

NGŨ ÂM TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI Ở TRUNG QUỐC ĐẠI LỤC VÀ ĐÀI LOAN: MỘT VÀI ĐIỂM KHÁC BIỆT

Trần Thị Kim Loan*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 22 tháng 08 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 28 tháng 12 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 05 tháng 01 năm 2017

Tóm tắt: Bài viết thông qua phương pháp thống kê từ điển và ngữ âm học thực nghiệm chỉ ra những điểm khác biệt cụ thể về mặt ngữ âm của tiếng Hán hiện đại được sử dụng ở Trung Quốc đại lục và Đài Loan. Kết quả cho thấy, ngữ âm tiếng Hán ở Trung Quốc đại lục và Đài Loan tồn tại một số sự khác biệt rõ rệt cả về thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu. Nguyên nhân của sự khác biệt này là do tiếng Đài Loan bị ảnh hưởng của các phương ngữ địa phương (tiếng Khách Gia, tiếng Mân Nam,...), do ảnh hưởng của thói quen, văn hóa, giáo dục ở đây và cũng là do tiếng Đài Loan hiện vẫn bảo lưu nhiều âm đọc cổ v.v... Kết quả nghiên cứu của bài viết sẽ giúp cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc có sự hiểu biết hơn về sự khác biệt trên bình diện ngữ âm của tiếng phổ thông Trung Quốc và tiếng Đài Loan, khắc phục được những trở ngại trong giao tiếp với người Đài Loan.

Từ khóa: khác biệt, ngữ âm, tiếng Hán hiện đại, Đài Loan, Trung Quốc đại lục

1. Đặt vấn đề

Tiếng Hán là một trong sáu thứ tiếng được Liên hợp quốc quy định sử dụng chính thức trên thế giới. Tiếng Hán là ngôn ngữ của dân tộc Hán, đồng thời cũng là ngôn ngữ chính thức và thông dụng ở Trung Quốc đại lục cũng như cộng đồng người Hoa sinh sống ở nước ngoài. Tuy đều được sử dụng trong xã hội người Hoa nhưng tiếng Hán ở Trung Quốc đại lục và ở Đài Loan có sự khác nhau nhất định về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và văn tự. Sự khác biệt ấy được thể hiện rõ nét nhất trên phương diện ngữ âm vì ngữ âm chính là vỏ vật chất bên ngoài, là bề nổi của hệ thống ngôn ngữ.

Trong giai đoạn hiện nay, chính sách cải cách và mở cửa đã cho phép nhiều nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt nam. Bên cạnh các đối tác đầu tư lớn như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ma-lay-si-a, Đài Loan cũng là khu vực có quy mô đầu tư lẫn kim ngạch đầu tư lớn vào

Việt Nam. Theo số liệu thống kê năm 2015 của Cục đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Đài Loan hiện là đối tác đầu tư vào Việt Nam lớn thứ 4 (số liệu thống kê ngày 30.12.2015)⁽¹⁾. Thực tế cho thấy, một số lượng không ít sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc sau khi ra trường đến làm việc tại các công ty Đài Loan. Trở ngại về mặt ngôn ngữ khiến các em gặp không ít khó khăn trong công việc cũng như giao tiếp hàng ngày với đối tác. Tiếng Đài Loan (sau đây gọi tắt là quốc ngữ) mà người Đài Loan sử dụng tương đối xa lạ với các em bởi trong trường học các em mới chỉ được làm quen với tiếng phổ thông Trung Quốc (sau đây gọi tắt là tiếng phổ thông). Chính vì vậy, tìm hiểu sự khác biệt của hệ thống ngữ âm tiếng Hán được sử dụng ở

* ĐT.: 84-985617266, Email: kimloantw@gmail.com

¹ Số liệu thống kê ngày 30.12.2015 (<http://fia.mpi.gov.vn/tinbai/4220/Tinh-hinh-dau-tu-nuoc-ngoai-12-thang-nam-2015>)

Đài Loan và Trung Quốc là điều hết sức cần thiết và cấp bách, có tác dụng hỗ trợ lớn cho việc dạy – học tiếng Hán cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc tại các trường đại học trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

Bài viết kết hợp phương pháp thống kê từ điển và phân tích file âm thanh giọng đọc của người Đài Loan và người Trung Quốc đại lục, tìm ra những nét khác nhau trên phương diện ngữ âm giữa tiếng phổ thông và quốc ngữ. Trong đó, ngữ liệu chính được lấy từ giáo trình *Đài Loan ngày nay*⁽²⁾ (trang 1 đến trang 105) và cuốn *Từ điển tiếng Hán hiện đại thông dụng tại hai bờ eo biển*⁽³⁾. *Từ điển tiếng Hán hiện đại thông dụng tại hai bờ eo biển* là cuốn từ điển đầu tiên được biên soạn và liệt kê một cách có hệ thống nhất sự khác biệt giữa tiếng phổ thông và quốc ngữ. Cuốn từ điển này có 45.000 từ, bao gồm cả cụm từ và thành ngữ. Trong đó có 42.700 từ thông dụng ở cả Đài Loan và Trung Quốc, có 1.300 từ tiếng phổ thông thường dùng và có khoảng 1.000 từ quốc ngữ thường dùng. Ở ngữ liệu giáo trình *Đài Loan ngày nay*, chúng tôi mời 2 phát thanh viên của Đài Loan và Trung Quốc đọc phần từ mới và bài khóa của 5 bài đầu tiên, sau đó dùng phần mềm Praat⁽⁴⁾ để phân tích những file âm thanh đó.

Xét về mặt lí thuyết trên bình diện âm hệ, tiếng phổ thông và quốc ngữ không có sự khác biệt. Điều đó có nghĩa, số lượng thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu, độ cao của thanh điệu v.v... về cơ bản đều giống nhau. Nhưng kết quả phân tích âm thanh thực tế cho thấy,

phát âm tiếng phổ thông và quốc ngữ vẫn tồn tại một số điểm khác biệt, cụ thể như sau:

2.1. Sự khác biệt thông qua phân tích file âm thanh

(1) Sự khác biệt về hệ thống thanh mẫu

Nhóm thanh mẫu zh/ch/sh và z/c/s

Về thanh mẫu, sự khác nhau cơ bản giữa tiếng phổ thông và quốc ngữ là trong quốc ngữ hai nhóm âm “zh, ch, sh” và “z, c, s” có xu hướng nhập lại, không phân biệt được. Phần lớn người Đài Loan phát âm “zh, ch, sh” thành “z, c, s” trong giao tiếp hàng ngày. Có thể nhận thấy, trong quốc ngữ, nhóm âm đầu lưỡi sau “zh, ch, sh” đang dần dần mất đi. Ví dụ:

[1]如果你希望了解一下中zōng国人常cāng做的运动, 最好就是sì哪一天大清早到公园去走一趟。(Bài 1 trang 3, giáo trình *Đài Loan ngày nay*)

[2]一走进公园你可能就会听到一阵zèn音乐, 顺suēn着ze声sēn音走过去一看, 原来是sì一群妇女正zèng在那儿做健美操。(Bài 1 trang 3, giáo trình *Đài Loan ngày nay*)

[3]在保守sǒu的旧式sì社sè会里, 因为婚姻是sì父母决定的, 子女的意见, 并不受sǒu到父母的重视sìe。(Bài 1 trang 3, giáo trình *Đài Loan ngày nay*)

Điều đáng chú ý ở đây là phần lớn thanh mẫu “zh, ch, sh” đều phát âm thành “z, s, c”, cụ thể như sau:

Bảng 1. Phát âm nhóm thanh mẫu zh/sh/sh và z/c/s

Chữ Hán	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ	Chữ Hán	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ
早晨	zǎochēn	zǎocēn	随着	suízhe	suíze
其中	qízhōng	qízōng	开张	kāizhāng	kāizāng
专心	zhuānxīn	zuānxīn	炸	zhā	zā
以上	yǐshàng	yǐsàng	成为	chéngwéi	céngwéi

² 邓守信 (2004) 《今日台湾》新世大学出版中心

³ 北京语言大学 (2003) 《两岸现代汉语常用词典》北京语言大学出版社

⁴ <http://www.fon.hum.uva.nl/praat/>

Chữ Hán	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ	Chữ Hán	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ
不常	bù chāng	bù cāng	熟悉	shúxī	súxī
大树	dà shù	dà sù	方式	fāngshì	fāngsì
总是	zǒng shì	zǒng sī	春卷	chūnjuǎn	chūnjuǎn
球场	qiúchǎng	qiú cǎng	猪脚	zhū jiǎo	zū jiǎo
游泳池	yóuyǒng chí	yōuyǒng cǐ	炒米粉	chǎo mǐfěn	cǎo mǐfěn
逛夜市	guǎng yèshì	guǎng yèsì	臭豆腐	chòu dòufu	còu dòufǔ
城市	céngshì	céngsì	传统	chuántǒng	cuántǒng
各种水果	gèzhǒng shuǐguǒ	gèzǒng suǐguǒ	远近驰名	yuǎnjìn chīmíng	yuǎnjìn cīmíng
受欢迎	shòu huānyíng	sòu huānyíng	到处可见	dàochù kějiàn	dāochù kějiàn
商品商店	shāngpǐn shāngdiàn	sāngpǐn sāngdiàn	这样	zhèyàng	zèyàng
什么	shénme	sénme	深夜	shēnyè	sēnyè
合适	hésì	hēsì	时间	shíjiān	síjiān
少女	shǎonǚ	sǎonǚ	演唱	yǎnchàng	yǎncàng
吃饭	chīfàn	cīfàn	知道	zhīdào	zīdào

刁晏斌 (2000) (Điều Yên Bân) cũng đã từng tiến hành điều tra sự khác biệt giữa tiếng phổ thông và quốc ngữ. Ông quan sát thấy một điểm thú vị: Trong một số trường hợp trang trọng, nhóm âm đầu lưỡi sau (zh, ch, sh) và nhóm âm đầu lưỡi trước (z, c, s) bị lẫn lộn. Âm đầu lưỡi sau phát thành âm đầu lưỡi trước, âm đầu lưỡi trước phát thành âm đầu lưỡi sau, ví dụ “是” có lúc đọc là “sì”, có lúc đọc là “shì”, “四” có lúc đọc thành “sì”, có lúc lại đọc thành “shì”. Ông cũng nhấn mạnh, người Đài Loan trong trường hợp giao tiếp thường ngày đều nói thẳng lưỡi, chỉ trong trường hợp trang trọng mới cố ý phát thành âm đầu lưỡi sau. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, chúng tôi mới chỉ quan sát được hiện tượng nhóm âm đầu lưỡi sau (zh, ch, sh) được phát thành nhóm âm đầu lưỡi trước (z, c, s), chưa quan sát thấy hiện tượng ngược lại.

Nhóm thanh mẫu r/f/h/n/l

Cũng giống như nhóm âm “zh”, “ch” và “sh”, thanh mẫu “r” đã dần chuyển thành âm đầu lưỡi trước. Ngôn ngữ sử dụng trên

lãnh thổ Đài Loan rất phong phú. Ngoài quốc ngữ là ngôn ngữ thông dụng nhất ra, tiếng Khách Gia và tiếng Mân Nam cũng được sử dụng khá phổ biến. Những phương ngữ đó có ảnh hưởng ngược lại đối với quốc ngữ, ví dụ như sự nhầm lẫn giữa “f” và “h”, “n” và “l” không phân biệt được, “r” đôi khi bị phát âm thành “l”, v.v... Cụ thể như “n” phát âm thành “l” (可能léng、耕牛liú、农友lǒng v.v...); “l” phát âm thành “n” (两斤niǎng、天冷něng v.v...); “r” phát âm thành “l” (人lén、认识lènshí v.v...). Ví dụ:

[4] 妈妈, 我回来了! māma, wǒ féi lái le.

[5] 今天天气很热。Jīntiān tiānqì hěn rè.

[6] 热得不得了。Lè dé bù dé liǎo.

[7] 他今天可能不来。tā jīntiān kěnéng bù lái.

(2) Sự khác biệt về hệ thống vận mẫu

Vần uốn lưỡi “er” có xu hướng biến mất

Vần uốn lưỡi “er” có xu hướng biến mất là hiện tượng thường gặp trong quốc ngữ. Theo kết quả nghiên cứu của một số học giả, ngoại trừ một số từ có vần uốn lưỡi thường gặp như “一会儿”, “一块儿” ra, hiện tại ở Đài Loan không ai có thói quen sử dụng vần uốn lưỡi. Qua phân tích file âm thanh 5 bài đầu tiên của giáo trình Đài Loan ngày nay, chúng tôi nhận thấy vần uốn lưỡi “er” không hề xuất hiện một lần nào trong văn bản.

Đối với những từ có hai cách nói như “哪儿” và “哪里”, “这儿” và “这里”, “那儿” và “那里”, người Đài Loan thường lựa chọn sử dụng “哪里, 这里, 那里” chứ không dùng “哪儿, 这儿, 那儿” như người Trung Quốc đại lục.

Sau đây là một số từ mà trong tiếng phổ thông thường mang vần uốn lưỡi còn quốc ngữ không có.

Bảng 2. Hiện tượng âm uốn lưỡi trong tiếng phổ thông và quốc ngữ

Quốc ngữ	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ	Tiếng phổ thông
小孩	小孩儿	一块	一块儿
一半	一半儿	差点	差点儿
聊天	聊天儿	茶馆	茶馆儿
玩	玩儿	好好	好好儿
一点	一点儿	两口	两口儿
待会再说	待会儿再说	宝贝	宝贝儿
哥们	哥们儿	口味	口味儿

Có một số từ được tạo thành bởi vận mẫu “er” như “儿子”, “女儿”, người Đài Loan thường nói thành “ê” (俄). Điều này dẫn đến một hiện tượng là “ê” và “er” phát âm giống nhau, hay nói một cách khác người Đài Loan không phân biệt được “er” và “ê”. Ví dụ:

[8] 我有两个儿子 wǒ yǒu liǎng ge ēzi

[9] 这是我女儿 zhè shì wǒ nǚ' ē

Về cơ bản, khi âm uốn lưỡi tự tạo thành một âm tiết thì người Đài Loan thường nói thành “e” hoặc một âm gần giống với “e” (bao gồm cả những từ như “二、而、耳 (耳朵)、尔 (哈尔滨)”). Giới âm “i”, “u” và “ü”

Xu hướng giới âm “i”, “u” cũng biến mất trong khẩu ngữ của người Đài Loan, “ü” có xu hướng không tròn môi. Ví dụ:

[10] 阿扁愿一生为台湾服务。(Âm “biǎn” đã không còn giới âm “i”)

[11] 去公园 yǎn xue gōng fu。(Âm “yuǎn” đã không còn giới âm “ü”)

Không phân biệt được âm cuối “n” và “ng”

刁晏斌 (2000) (Điều Yên Bân) chỉ rõ: Trong số 17 em học sinh tiểu học Đài Loan

được điều tra, có 5 em không thể phân biệt được “n” và “ng”, tất cả đều phát âm “ing” thành “in”, 10 em có thể phân biệt được nhưng thường xuyên phát âm sai. Đối với “n” và “ng”, trường hợp thường gặp nhất là phát âm “ng” thành “n”. Trong số 20 em sinh viên đại học được điều tra thì 5 em cho rằng “n” và “ng” hoàn toàn giống nhau, 3 em cho rằng gần giống nhau, 1 em cho rằng nghe thì thấy khác nhau nhưng khi phát âm thì không phân biệt được. Người Đài Loan thường phát âm “ng” thành “n” trong âm “eng”. Ví dụ: 很冷 lěn; 声 sēn调; 正 zhēn常; 城 chēn市 v.v...

Kết quả nghiên cứu của 刁晏斌 (2000) (Điều Yên Bân) cũng phù hợp với kết quả thống kê file âm thanh trong đề tài: Một số âm tiết âm cuối “ng” đã chuyển thành “n”, ví dụ:

[12] 顺着声 sēn音走过去, 原来是一群妇女正 zhēn在那儿做健美操。(trang 3, giáo trình Đài Loan ngày nay)

[13] 中国人的家庭观念很重, 结婚生 sēn子是一生 sēn最重要的一件事了。(trang 85, giáo trình Đài Loan ngày nay)

(3) Sự khác biệt về hệ thống thanh điệu

Thanh nhẹ có xu hướng biến mất

Thanh nhẹ là nét đặc biệt của tiếng Hán. Trong một số trường hợp, thanh 1, thanh 2, thanh 3 và thanh 4 sẽ được đọc thấp, nhẹ và ngắn. Tuy nhiên, trong giao tiếp thường ngày của người Đài Loan, thanh nhẹ chỉ xuất hiện ở một số trợ từ và lượng từ “个”. Vẫn với ngữ liệu là 5 bài khóa trong giáo trình Đài Loan ngày nay, có những từ phát thanh viên người Trung Quốc đọc thanh nhẹ nhưng phát thanh viên người Đài Loan không đọc thanh nhẹ, cụ thể như sau:

Bảng 3. Hiện tượng sử dụng thanh nhẹ trong tiếng phổ thông và quốc ngữ

Chữ Hán	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ	Chữ Hán	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ
功夫	gōngfu	gōngfū	看看	kànkān	kànkān
安静	ānjìng	ānjìng	东西	dōngxī	dōngxī
以上	yǐshàng	yǐshàng	不在乎	bù zàihu	bù zàihū
兴趣	xìngqu	xìngqū	乐趣	lèqu	lèqū
空气	kōngqì	kōngqì	臭豆腐	chòu dòufu	chòu dòufǔ
人们	rénmen	rénmēn	方便	fāngbiàn	fāngbiàn
新鲜	xīnxiān	xīnxiān	熟悉	shúxī	shúxī
晚上	wǎnshàng	wǎnshàng	看见	kànjiàn	kànjiàn
热闹	rènao	rènao	朋友	péngyou	péngyǒu
地方	dìfang	dìfāng	红娘	hóngniang	hóngniàng
衣服	yīfu	yīfǔ	亲戚	qīnqi	qīnqì
关系	guānxi	guānxī	对象	duìxiàng	duìxiàng
意见	yìjian	yìjiàn			

Trong khẩu ngữ, đặc biệt ở một số từ xưng hô, khi người Trung Quốc đại lục giữ nguyên thanh ở âm tiết thứ nhất và phát âm thành thanh nhẹ ở âm tiết thứ hai thì người Đài Loan lại phát thành thanh 3 ở âm tiết thứ nhất, âm tiết thứ hai phát âm thành thanh 2, ví dụ:

Bảng 4. Phát âm từ xưng hô ở tiếng phổ thông và quốc ngữ

Chữ Hán	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ
妈妈	māma	māmā (马麻)
爸爸	bāba	bābā (把拔)
弟弟	dīdi	dīdī (底迪)
妹妹	mèimei	měiměi (美眉)
叔叔	shūshu	shǔshǔ (属熟)
琪琪 (名词重音)	qíqi	qǐqǐ (起骑)

Thanh 3 đọc thành nửa thanh 3

Ngữ âm tiếng phổ thông cũng như quốc ngữ đều quy định độ cao của thanh 3 là 2-1-4. Nửa thanh 3 ở đây là chỉ phần giáng xuống (2-1). Trong kết cấu song âm tiết của tiếng phổ thông, những âm tiết mang thanh 3 nếu đứng trước âm tiết mang thanh 1, 2, 4 hoặc thanh nhẹ thì chỉ đọc phần giáng xuống (2-1),

ví dụ: “女孩、好看、鼓励、改变、母亲、礼堂、主人”. Nhưng trong quốc ngữ, “trừ những trường hợp đọc một thanh 3 hoặc cần nhấn mạnh âm tiết này là thanh 3 thì mới đọc ở độ cao 2-1-4. Còn trong giao tiếp thường ngày thì chỉ phát âm phần giáng xuống (2-1)” (魏岫明, 1984) (Nguyễn Tự Minh). Điều đó có nghĩa là thanh 3 trong quốc ngữ có xu hướng phát âm thành 2-1 chứ không giống như trong tiếng phổ thông có hạn chế và quy định chặt chẽ như vậy.

2.2. Sự khác biệt thông qua phân tích kết quả thống kê từ điển

Kết quả thống kê cuốn Từ điển tiếng Hán hiện đại thông dụng tại hai bờ eo biển⁽⁵⁾ cho thấy:

Thanh mẫu: Ở phần chú âm, không có sự gộp lại của “zh, ch, sh” và “z, c, s”. Trong từ điển, âm “zh, ch, sh” và “z, c, s” được chú âm rõ ràng và riêng biệt, ví dụ: 中zhōng国人, 是shì, 吃chī饭, 综zōng合, 思sī想, 词cí汇 v.v..... Nhóm âm “n”, “l”, “r”, “f” và “h” trong từ điển cũng được chú âm rõ ràng, không có sự nhầm lẫn hay nhập làm một.

Vận mẫu: Âm uốn lưỡi “er” có xu hướng ít hơn so với tiếng phổ thông. Tuy nhiên nhóm âm cuối “n” và “ng” không có sự nhầm lẫn.

Thanh điệu: Kết quả thống kê từ điển cho thấy, thanh nhẹ trong chú âm quốc ngữ cũng ít gặp hơn so với tiếng phổ thông. Tuy nhiên, thanh 3 trong chú âm từ điển thì không nhìn thấy sự chuyển hóa từ toàn thanh 3 sang nửa thanh ba.

Chúng tôi đã thống kê trong từ điển tổng cộng có 996 từ có phát âm khác nhau, trong đó

⁵ Thống kê từ điển có sự hỗ trợ của sinh viên Nguyễn Hồng Quý (051C1)

có 526 từ khác nhau về thanh điệu, 28 từ khác nhau về thanh mẫu, 50 từ khác nhau về vận mẫu, 47 từ có hai thành phần khác nhau trở lên và 345 từ khác nhau ở một số cách dùng cụ thể. Như vậy, sự khác nhau về phát âm giữa tiếng phổ thông và quốc ngữ chủ yếu thể hiện trên phương diện thanh điệu và một số cách dùng cụ thể.

(1) Cách đọc toàn bộ âm tiết khác nhau

Với cùng một chữ Hán, ý nghĩa giống nhau hoàn toàn hoặc một phần nhưng cách đọc hoàn toàn khác nhau. Ví dụ:

Bảng 5. Âm tiết phát âm khác nhau

Chữ Hán	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ
圳	zhèn	chấu
(垃) 圾	jī	sè
(寒) 仑	chen	chāng
(晌) 午	wǔ	huo
(躯) 壳	qiào	kế

(2) Thanh mẫu khác nhau

Cũng có những âm tiết, chữ Hán giống nhau, ý nghĩa giống nhau hoặc tương tự nhưng thanh mẫu lại khác nhau. Ví dụ:

Bảng 6. Thanh mẫu phát âm khác nhau

Chữ Hán	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ	Chữ Hán	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ
谗	xuē	nùè	赐	cì	sì
酵	jiào	xiào	噤	chā	cā
骤	zhòu	zòu	暂	zàn	zhàn
蹒	pān	mān	淆	xiāo	yāo

(3) Vận mẫu khác nhau

Số lượng vận mẫu trong tiếng phổ thông và quốc ngữ khác nhau không nhiều, chính vì vậy chúng ta khó phát hiện thấy sự khác nhau có hệ thống. Một điểm đáng chú ý là trong quốc ngữ còn bảo lưu một số âm cổ như

“yāi”. Sau đây là một số âm tiết có thanh mẫu khác nhau hoặc hai thành phần khác nhau trở lên (thanh mẫu và thanh điệu):

Bảng 7. Âm tiết có hai thành phần khác nhau trở lên

Chữ Hán	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ	Chữ Hán	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ
垃圾	lājī	lèsè	淋	lín	lún
崖	yā	yāi	泞	níng	nèng
和	hé	hàn	射	shè	shǐ
娜	nà	nuó	漆(黑)	qī	qū
乱	luàn	làn			

(4) Thanh điệu khác nhau

Bên cạnh sự khác nhau về thanh mẫu, vận mẫu, tiếng phổ thông và quốc ngữ còn tồn tại rất nhiều âm tiết chỉ khác nhau về thanh điệu. Ví dụ:

Bảng 8. Âm tiết có thanh điệu khác nhau

Chữ Hán	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ	Chữ Hán	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ
期	qī	qí	微	wēi	wéi
曲	qū	qǔ	佻	tiāo	tiáo
企	qǐ	qì	菌	jūn	jùn
叔	shū	shù	削	xuē	xuè
淑	shū	shù	跌	diē	dié
危	wēi	wéi	(头) 发	fā	fǎ

Trong 526 âm tiết có thanh điệu khác nhau, thanh 1 chiếm phần lớn trong tiếng phổ thông (300 từ), tiếp theo đến thanh 4 (86 từ), thanh 3 (78 từ), thanh 2 (40 từ) và thanh nhẹ (22 từ). Trong quốc ngữ, thanh 2 chiếm đa số với 291 từ, tiếp đến là thanh 4 (149 từ), thanh 1, thanh 3 và thanh nhẹ.

Bảng 9. Kết quả khác nhau về số lượng thanh điệu

Thanh điệu	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ
	Số lượng	Số lượng
Thanh 1	300	45
Thanh 2	40	291

Thanh 3	78	31
Thanh 4	86	149
Thanh nhẹ	22	10

Có một số âm tiết thanh điệu cơ bản giống nhau, nhưng khi xuất hiện trong một số trường hợp cá biệt thì thanh điệu khác nhau, ví dụ:

“发”: Nếu là động từ thì tiếng phổ thông và quốc ngữ đều đọc là “f \bar{a} ”, nhưng khi xuất hiện trong từ “头发” thì tiếng phổ thông đọc thành “f \bar{a} ”, quốc ngữ đọc thành “f \check{a} ”.

“法”: Phát âm là “f \check{a} ” trong những từ như “办法”, “想法” nhưng khi xuất hiện trong từ “法国” thì tiếng phổ thông đọc thanh 3 “f $\check{a}gu\check{o}$ ”, quốc ngữ đọc thanh 4 “f $\bar{a}gu\bar{o}$ ”.

“抵”: Khi xuất hiện trong từ “抵命、抵不住、抵债” thì tiếng phổ thông đọc thanh 3 “d \check{i} ”, quốc ngữ đọc thanh 2 “d \bar{i} ”.

(5) Âm tiết có hai thành phần khác nhau trở lên

Một số âm tiết có hai thành phần khác nhau trở lên, trong đó sẽ xảy ra một số trường hợp như sau: Thứ nhất, thanh mẫu và thanh điệu khác nhau, vận mẫu giống nhau; Thứ hai, thanh mẫu và vận mẫu khác nhau, thanh điệu giống nhau; Thứ ba, thanh điệu và vận mẫu khác nhau, thanh mẫu giống nhau.

Bảng 10. Âm tiết có hai thành phần khác nhau trở lên

Chữ Hán	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ	Chữ Hán	Tiếng phổ thông	Quốc ngữ
堤	d \bar{i}	t \bar{i}	蜗	w \bar{o}	gu \bar{a}
扎	zh \bar{a}	z \bar{a}	嫫	m \bar{o}	m \bar{a}
泊	p \bar{o}	b \bar{o}	凿(言之凿凿)	z $\bar{a}o$	zu \bar{o}
暴	b $\bar{a}o$	p \bar{u}			
曝	b $\bar{a}o$	p \bar{u}	携	xi \bar{e}	xi \bar{e}

Thông qua tiến hành phân tích file âm thanh thực tế và thống kê từ điển, chúng ta có

thể dễ dàng nhận thấy: (1) Chú âm trong từ điển và trong sử dụng thực tế, quốc ngữ có sự khác biệt nhất định; (2) Trong quá trình giao tiếp hàng ngày, người Đài Loan có xu hướng phát âm uốn lưỡi thành âm thẳng lưỡi (“zh, ch, sh” chuyển thành “z, c, s”, “r” thẳng lưỡi, “er” phát âm giống “e” v.v...); (3) Thanh nhẹ trong quốc ngữ ít xuất hiện hơn so với tiếng phổ thông; (4) Thống kê từ điển cho thấy, quốc ngữ có nhiều dị âm, một từ có nhiều cách đọc khác nhau.

2.3. Nguyên nhân của sự khác biệt

Ngữ âm tiếng phổ thông từ năm 1949 đến nay đã trải qua ba lần chỉnh sửa chính (năm 1957-1962, năm 1963 và năm 1982). Đến năm 1985 đã công bố bản ngữ âm chuẩn, trong đó phần lớn dị âm ít dùng đã được lược bỏ, giảm bớt hiện tượng đa âm trong tiếng Hán. Ngữ âm quốc ngữ vẫn dùng hệ thống ngữ âm từ trước năm 1949. Mặc dù các nhà nghiên cứu ngôn ngữ, các nhà nghiên cứu giáo dục cũng đã tiến hành nghiên cứu, điều chỉnh, lược bỏ một số âm ít dùng, nhưng chỉ ở quy mô rất nhỏ. Điều này càng tăng thêm sự khác biệt về mặt phát âm giữa tiếng phổ thông và quốc ngữ.

Ngày nay, khi quan hệ kinh tế, thương mại giữa Đài Loan và Trung Quốc đại lục ngày càng được cải thiện thì sự khác biệt giữa tiếng phổ thông và quốc ngữ cũng bắt đầu được chú ý đến và phần nào được các nhà nghiên cứu, các nhà ngôn ngữ học coi trọng. Rất nhiều học giả đã đi sâu vào nghiên cứu, thử tìm nguyên nhân lí giải cho sự khác biệt này. 於贤德 (2000) (Ô Hiền Đức) phân tích nguyên nhân sự khác biệt dưới hai góc độ: góc độ chính trị và văn hóa. Ông nhận định, “nhân tố chính trị có tác động đến mọi thứ, là căn nguyên dẫn đến sự khác biệt này” (sự

khác biệt về phát âm của tiếng phổ thông và quốc ngữ). 蒋有经 (2006) (Trương Hữu Kinh) phân tích một số nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt giữa tiếng phổ thông và quốc ngữ, đặc biệt là sự khác biệt trên phương diện từ vựng như sau: (1) Chế độ chính trị khác nhau sẽ dẫn đến chính sách ngôn ngữ khác nhau; (2) Sự khác nhau về đời sống xã hội cụ thể; (3) Ảnh hưởng của văn hóa vùng miền; (4) Ảnh hưởng của từ ngoại lai. Trong đó, ông cũng đặc biệt nhấn mạnh đến nhân tố ảnh hưởng chính, đó là nhân tố chính trị. 刁晏斌 (2000) (Điêu Yến Bân) cũng nêu một số nguyên nhân sau: (1) Sự khác biệt về chế độ xã hội; (2) Sự khác biệt về mức độ giao lưu và hòa nhập với nước ngoài. Ông cũng nhận định, nguyên nhân trực tiếp và có ý nghĩa quyết định chính là nhân tố chính trị. Trong bài viết này, chúng tôi nhận thấy nguyên nhân của sự khác biệt giữa ngữ âm tiếng phổ thông và ngữ âm quốc ngữ được biểu hiện ở một số điểm sau: (1) Do quốc ngữ bị ảnh hưởng của các vùng phương ngữ khác như tiếng Khách gia, tiếng Mân Nam v.v...; (2) Quốc ngữ còn lưu giữ nhiều âm cổ; (3) Quốc ngữ có nhiều dị âm (又音); (4) Một số yếu tố khác...

Như chúng ta đã biết, quốc ngữ được sử dụng trong vùng phương ngữ tiếng Mân Nam, tiếng Khách Gia, tiếng dân tộc bản xứ, trong đó chịu ảnh hưởng nhiều của tiếng Mân Nam vì dân số tộc Mân Nam đông nhất trên đảo Đài Loan. Ví dụ, tiếng Mân Nam không có nhóm âm đầu lưỡi sau, không có giới âm “u” và “u”, họ thường thay thế bằng âm đầu lưỡi trước hoặc giới âm “i”.

Quốc ngữ vẫn còn rất nhiều từ và âm được dùng trước kia ở Trung Quốc đại lục, ví dụ: “真除、出缺、柏台、关防” v.v.... Ngoài ra tên địa danh trong quốc ngữ cũng vẫn được giữ nguyên âm cổ, ví dụ: 费县, tiếng

phổ thông đọc là “fēi”, quốc ngữ đọc là “bī”, hoặc “乐” (河北乐亭、山东乐陵), tiếng phổ thông đọc là “lè”, quốc ngữ lại đọc là “lāo”.

Quốc ngữ có nhiều dị âm. Dị âm ở đây được hiểu là cùng một chữ Hán, ý nghĩa giống nhau nhưng có nhiều cách đọc khác nhau. Nếu một chữ Hán với mỗi cách đọc khác nhau mang ý nghĩa khác nhau thì không được coi là hiện tượng dị âm. Như phía trên đã trình bày, tiếng phổ thông đã trải qua ba lần chỉnh sửa về mặt ngữ âm nên đã lược bỏ nhiều cách đọc (âm) không cần thiết hoặc ít dùng. Năm 1987, chính phủ Trung Quốc đã bắt đầu tiến hành lược bỏ bớt những âm không còn sử dụng hoặc không cần thiết. Hiện tượng dị âm trong tiếng phổ thông đã được giảm đi rất nhiều. Trong khi đó, quốc ngữ có 4247 chữ Hán có từ 2 cách phát âm cho đến 8 cách phát âm, sau khi lược bớt thì còn 976 chữ Hán có từ 2 cách phát âm đến 6 cách phát âm (鲁启华:1998) (Lỗ Khải Hoa). Điều đó cho thấy, hiện tượng một chữ nhiều âm hiện vẫn còn tồn tại rất nhiều trong quốc ngữ.

Ngoài ra, ảnh hưởng của văn hóa, phong cách sống cũng tạo ra sự khác biệt về ngữ âm. Như trong phần thanh điệu chúng tôi đã đề cập, một số âm tiết trùng lặp hoặc danh từ riêng trong quốc ngữ thì âm tiết thứ nhất thường đọc thanh 3 và âm tiết thứ 2 đọc thành thanh 2. Việc chuyển đổi thanh điệu cũng như sử dụng nhiều uyển ngữ, trợ từ giúp ngữ khí trở nên hài hòa và nhẹ nhàng hơn, bởi người Đài Loan thích sử dụng khẩu khí nhẹ nhàng, uyển chuyển và tương đối khách khí (曾心怡, 2003) (Tăng Tâm Di).

2.4. Một số kiến nghị trong giảng dạy

Kubler (1979) gần 30 năm trước đã từng nêu một vấn đề: Tiếng Hán trong sách giáo

khoa được sử dụng tại các trường học ở Mỹ có thể đại diện cho tiếng Hán của bao nhiêu người Hoa hiện đang sử dụng? Liệu người Trung Quốc ở khắp nơi trên thế giới có đều đang sử dụng tiếng phổ thông? Liệu học sinh học tiếng phổ thông thì có nghe hiểu được ngôn ngữ mà người Trung Quốc ở Đài Loan, Hồng Kông hay Singapor hiện đang sử dụng?

Trong quá trình giảng dạy, chúng tôi nhận thấy, rất nhiều học sinh có quan niệm đã học tiếng Hán thì nhất định phải học tiếng Bắc Kinh. Các em cho rằng, tiếng Hán được sử dụng ở Đài Loan, Hồng Kông v.v.. đều không chuẩn. Trên thực tế, dùng khái niệm “chuẩn” hay “không chuẩn” để miêu tả tiếng phổ thông hay quốc ngữ đều chưa thật chính xác.

Trên thực tế, ngôn ngữ là sản phẩm của xã hội, ngôn ngữ được sinh ra trong một xã hội cụ thể và được mặc định cũng như được sử dụng bởi xã hội đó. Người Đài Loan sử dụng quốc ngữ. Người Trung Quốc đại lục sử dụng tiếng phổ thông. Sự cách biệt về thời gian và không gian đã tạo nên sự khác biệt này.

Chúng ta đều biết, sự khác biệt về ngôn ngữ là trở ngại lớn cho việc truyền bá văn hóa, giao tiếp và giao lưu. Mặc dù Đài Loan hiện tại đang là một trong những vùng lãnh thổ có tỉ lệ kim ngạch đầu tư lớn nhất vào Việt Nam. Nhưng từ trước đến nay, trong giảng dạy chúng ta chưa chú trọng vào việc giới thiệu cho sinh viên sự khác biệt giữa tiếng phổ thông và quốc ngữ. Người học không tìm thấy trong sách giáo khoa hay sách hướng dẫn những hiện tượng phát âm, ngữ pháp hoặc từ ngữ mà người Đài Loan sử dụng. Nó chỉ được thể hiện qua giao tiếp với người Đài Loan bản địa. Nghe hiểu để giao tiếp được với người bản địa chính là mục đích mà cả người học và người dạy phải hướng tới. Mặc dù sách giáo khoa, tài liệu sử dụng hiện hành đều lấy tiếng phổ thông làm chuẩn

nhưng trên thực tế học sinh vẫn phải thường xuyên tiếp xúc với những đối tượng đến từ Đài Loan, Hồng Kông, Ma Cao, v.v... Giúp người học có thể tự tin hơn trong giao tiếp, trong quá trình giảng dạy, giáo viên cần phải chú ý:

Thứ nhất, cần xây dựng quan niệm học tập đúng đắn. Không nên có quan niệm “tiếng phổ thông chuẩn, quốc ngữ không chuẩn” bởi rất nhiều người Trung Quốc sinh sống trên lãnh thổ Trung Quốc cũng đang sử dụng tiếng phổ thông có mang âm phương ngữ. Vấn đề then chốt là học để làm việc, để có thể giao tiếp tốt với người Hoa sinh sống ở các nơi trên thế giới.

Thứ hai, giáo viên tiếng Hán phải bổ sung tri thức về hệ thống ngữ âm quốc ngữ và hiểu được sự khác biệt về mặt ngữ âm giữa tiếng phổ thông và quốc ngữ.

Thứ ba, phân chia giai đoạn giảng dạy cụ thể, ví dụ đối với học sinh giai đoạn sơ cấp chúng ta nên chú trọng giới thiệu cho các em ngữ âm tiếng phổ thông. Còn đối với học sinh trung, cao cấp, chúng ta chủ động cho các em tiếp xúc với ngữ âm quốc ngữ để giúp các em dần dần hiểu được sự khác biệt giữa hai hệ thống ngữ âm này.

Thứ tư, tăng cơ hội tiếp xúc với quốc ngữ cho học sinh, ví dụ như: sử dụng nhiều hơn giáo trình, băng đĩa do Đài Loan phát hành, nghe phát thanh, xem thời sự, giao tiếp trực tiếp với người Đài Loan v.v...

3. Kết luận

Thông qua phương pháp thống kê từ điển và phân tích file âm thanh, chúng tôi đã nêu ra một số điểm khác biệt giữa hệ thống ngữ âm tiếng phổ thông và quốc ngữ. Sự khác biệt này được thể hiện trên bình diện thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu và trong toàn bộ âm tiết.

Có rất nhiều ý kiến lý giải nguyên nhân sự khác biệt của hệ thống ngữ âm tiếng phổ thông và quốc ngữ. Trong đó, nguyên nhân

dẫn đến sự khác biệt về mặt ngữ âm đó là (1) do ảnh hưởng của các vùng phương ngữ khác nhau, (2) do quốc ngữ còn bảo lưu nhiều âm cổ, (3) do quốc ngữ có nhiều dị âm và (4) do ảnh hưởng của văn hóa xã hội Đài Loan. Chính vì thế, trong quá trình giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung Quốc, giáo viên cần giới thiệu sự khác biệt về ngữ âm tiếng phổ thông và quốc ngữ cho học sinh, sử dụng nhiều sách, giáo trình, tài liệu do Đài Loan biên soạn cũng như giúp học sinh có thêm nhiều cơ hội tiếp xúc với người Đài Loan, tăng thêm hiểu biết về văn hóa, ngôn ngữ ở hai bờ eo biển.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Trung

- 刁晏斌 (2000). 《差异与融合——海峡两岸语言应用对比》江西教育出版社
- 蒋为文 (2004). 《海洋台湾: 历史与语言》国立成功大学出版社
- 蒋有经 (2006). “海峡两岸汉语词汇的差异及其原因”《集美大学学报 (哲学社会科学版)》, 第三期
- 鲁启华 (1998). “海峡两岸汉字多音字审音比较——兼论审音标准问题”《铁道师院学报》, 第二期

- 朴贤德&顾向欣 (2000). “海峡两岸词语差异的政治文化因素”《汕头大学学报人文科学版》, 第三期
- 王玥雯 (2007). “两岸新词对比研究”《武汉科技大学学报 (社会科学版)》, 第一期
- 魏岫明 (1984). 《国语演变之研究》台湾大学出版社
- 吴庆第 (2006). “台湾海峡两岸语言称谓差异比较”《周口师范学院学报》, 第六期
- 杨艳丽 (2004). “海峡两岸词语比较”《大庆高等专科学校学报》, 第三期
- 於贤德 (2000). “海峡两岸词语差异的政治文化因素”《汕头大学学报》, 第四期
- 曾心怡 (2003). “当代台湾国语的句法结构”, 毕业论文, 台湾国立师范大学华语文教学研究所

Tiếng Anh

- Kubler, Cornelius C, (1979). *Some differences between Taiwan Mandarin and 'Textbook Mandarin*, Journal of the Chinese Language Teachers Association, 1979, 14.3:27-39.

Nguồn ngữ liệu

- 邓守信 (2004). 《今日台湾》新世大学出版中心
- 北京语言大学 (2003). 《两岸现代汉语常用词典》, 北京语言大学出版社

DIFFERENCES BETWEEN PHONETIC FEATURES OF THE MODERN CHINESE SPOKEN IN MAINLAND CHINA AND TAIWAN

Tran Thi Kim Loan

Faculty of Chinese Language and Culture, VNU University and Languages and International Studies, Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: Through the use of the method of dictionary statistics and experimental phonetics, the research aims to investigate the specific differences between the phonetic and phonological features of the modern Chinese used in mainland China and Taiwan. The results show that, there exist fundamental differences in terms of initial (consonants), rhyme (spell) and tone. The cause of these differences is that the Guoyu (Taiwanese) is affected by the local dialects (Hakka, Holo ...), and is reserved with more ancient sounds under the influence of habits, culture and education here. The research results are expected to help students majoring in the Chinese language have more understanding of the national language and overcome obstacles in communication with the Taiwanese.

Keywords: difference, phonetics, modern Chinese, Taiwan, mainland China